TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Ông Đặng Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Thị Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Hồng T, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bình An, xã Phước Lộc, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Số nhà 38, đường Nguyễn Du, tổ dân phố 7, thị trấn Mađaguôi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn Mađaguôi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 4 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Đinh Hồng T (anh T) trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đinh Hồng T và chị Trần Thị T *(chị T)* tự nguyện tìm hiểu trước khi đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con; thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị T sống không chung thủy, có quan hệ bất chính nhiều lần với một người đàn ông *"tên là Cường"* bên ngoài xã hội. Ngoài ra, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cũng hay xảy ra cãi vã.

Kể từ giữa tháng 4 năm 2022 cho đến nay, chị T đã chuyển ra bên ngoài thuê nhà trọ sống một mình; trong thời gian sống ly thân anh T xác định không còn tình cảm gì nữa với chị T nếu tiếp tục sống chung với nhau đó là sự khinh bỉ, xấu hổ đối với bản thân, gia đình, bạn bè; mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 02 con chung là cháu Đinh Thị Hồng Minh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Đinh Quốc Bảo, sinh ngày 06/02/2014. Hiện nay các con đang ở với anh T và gia đình bên nội. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi các con cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định có tài sản chung nhưng giá trị không lớn các bên tự thỏa thuận tự phân chia tài sản, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định không có nợ chung, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn như đơn khởi kiện và lời trình bày của anh T trong quá trình giải quyết vụ án là hoàn T đúng. Chị T thừa nhận nguyên nhân dẫn đến việc anh T làm đơn ly hôn là thuộc về chị T.

Đây là lỗi lầm duy nhất mà từ trước đến nay chị vấp phải, từ khi về làm dâu cho gia đình, bản thân luôn thực hiện tốt, làm tròn nghĩa vụ của người vợ, người con dâu, người làm mẹ. Nhưng vì một phần sự vô tâm của anh T và do một phút mềm lòng nên đã bị sa ngã vào chuyện yêu đương với một người đàn ông khác mà lẽ ra chị T không nên mắc phải. Tuy nhiên, sau đó tự suy nghĩ lại thấy việc làm là sai trái với thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội nên đã chủ động từ bỏ và cắt đứt liên lạc với người đàn ông kia. Đến khoảng giữa tháng 4 năm 2022 khi anh T vô tình kiểm tra trong điện thoại thì phát hiện có những hình ảnh, đoạn video clip *(có nội dung nhạy cảm – ảnh chụp khỏa thân; clip cảnh làm tình giữa chị T và người đàn ông)* còn lưu lại trong điện thoại thì anh T nóng giận và viết đơn ly hôn.

Nay chị T biết và nhận ra lỗi lầm của mình; thật sự vẫn còn thương yêu anh T và các con, mong muốn anh T bỏ qua, cho cơ hội để sửa chữa sai lầm, không muốn con cái phải thiếu vắng tình cảm của mẹ nếu phải ly hôn. Do vậy, chị T không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu trường hợp anh T kiên quyết ly hôn thì chị T cũng chấp nhận ly hôn với điều kiện anh T phải nhường quyền nuôi con là cháu Đinh Thị Hồng Minh cho chị T nuôi dưỡng và phải hỗ trợ tiền thuê nhà, tiền công sức đóng góp khi về làm dâu cho nhà chồng, tiền chăm lo phụng dưỡng bố, mẹ chồng hơn 10 năm là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*.

- Về con chung: Trong quá trình sống chung có 02 con chung là cháu Đinh Thị Hồng Minh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Đinh Quốc Bảo, sinh ngày

06/02/2014. Hiện nay các con đang ở với anh T và gia đình bên nội. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì chị T có nguyện vọng yêu cầu được nuôi cháu Đinh Thị Hồng Minh, đồng ý giao cháu Đinh Quốc Bảo cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định có tài sản chung nhưng giá trị không lớn, các bên tự thỏa thuận việc phân chia tài sản, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định không có nợ chung, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành lấy lời khai của các cháu Đinh Thị Hồng Minh, cháu Đinh Quốc Bảo. Kết quả cho thấy nguyện vọng của các cháu là mong muốn được ở với anh T mà không mong muốn được ở với chị T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhiều lần nhưng không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết xin ly hôn với chị T; yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; các vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho chị T số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng*) để chị T thuê nhà, đối với các yêu cầu trợ cấp khác của chị T là không đúng nên không đồng ý trợ cấp.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với anh T mong muốn Hội đồng xét xử hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ; trong trường hợp nếu Tòa giải quyết ly hôn thì nguyện vọng chị T yêu cầu được nuôi cháu Đinh Thị Hồng Minh và đồng ý giao cháu Đinh Quốc Bảo cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu anh Toan hỗ trợ số tiền 50.000.000 đồng bao gồm các khoản tiền như là tiền thuê nhà, tiền công sức đóng góp khi về làm dâu cho nhà chồng, tiền chăm lo phụng dưỡng bố, mẹ chồng hơn 10 năm; các vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các cháu Đinh Thị Hồng Minh, cháu Đinh Quốc Bảo khẳng định là có nguyện vọng và mong muốn được ở với anh T mà không mong muốn được ở với chị T.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ; việc tống đạt giao nhận các văn bản tố tụng cho các đương sự, cho Viện kiểm sát cùng cấp là đúng quy định; xác định quan hệ tranh chấp, thẩm

quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của đương sự là hoàn T đúng pháp luật; thời hạn giải quyết vụ án là đảm bảo theo quy định.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Thời gian gần đây giữa anh T và chị T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là chị T sống không chung thủy, có quan hệ bất chính với một người đàn ông khác bên ngoài xã hội. Hiện tại chị T đã chuyển ra bên ngoài thuê nhà trọ sống một mình, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm thật sự không còn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Hiện nay các con đang ở với anh T và gia đình bên nội, việc chăm sóc con của anh T từ trước đến nay rất tốt, anh T có nguyện vọng được nuôi các con, đồng thời nguyện vọng của các con cũng mong muốn ở với anh T mà không mong muốn ở với chị T. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao các con cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Các vấn đề khác như về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị T không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về yêu cầu trợ cấp số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu)* của chị T về các khoản tiền thuê nhà, tiền công sức đóng góp khi về làm dâu cho nhà chồng, tiền chăm lo phụng dưỡng bố, mẹ chồng hơn 10 năm: Xét thấy yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh T trợ cấp tiền công sức đóng góp khi về làm dâu cho nhà chồng, tiền chăm lo phụng dưỡng bố, mẹ chồng hơn 10 năm là không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng về yêu cầu anh T trợ cấp tiền thuê nhà (chị T khai là tiền thuê nhà hiện tại mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(một triệu)*/tháng), tại phiên tòa anh T đồng ý, tự nguyện hỗ trợ cho chị T số tiền thuê nhà là 20 tháng tương ứng với số tiền là 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu)*. Đây là sự tự nguyện của anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

+ Về án phí: Anh T khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng; về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Anh Đinh Hồng T và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 23/12/2010, việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc là đúng pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị T được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với chị T. Chị T hiện đang cư trú tại thị trấn Mađaguôi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T thì thấy rằng:

Sau khi kết hôn anh T, chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian và có 02 con chung, thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị T sống không chung thủy với anh T, có quan hệ bất chính nhiều lần với một người đàn ông *"tên là Cường"* bên ngoài xã hội. Kể từ giữa tháng 4 năm 2022 cho đến nay chị T đã chuyển ra bên ngoài thuê nhà trọ sống một mình, trong thời gian sống ly thân anh T xác định không còn tình cảm gì nữa nếu tiếp tục sống chung với nhau đó là sự khinh bỉ, xấu hổ đối với bản thân, gia đình, bạn bè; mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin được ly hôn với chị T.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đồng thời để chứng minh chị T có quan hệ bất chính anh T đã sao chụp các tấm hình và đoạn video clip *(có nội dung nhạy cảm – ảnh chụp khỏa thân, clip cảnh làm tình giữa chị T và người đàn ông)* cho Tòa án. Làm việc tại Tòa án chị T cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quan hệ bất chính là có thật. Điều này phù hợp với lời khai của anh T. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị T là có thật.

[2.2] Xét yêu cầu xin đoàn tụ gia đình của chị T thì thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng thừa nhận T bộ nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn đều xuất phát và bắt nguồn từ việc có quan hệ bất chính với một người đàn ông khác. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn anh T bỏ qua nhưng lỗi lầm trước đây đã mắc phải và xin hứa sẽ sửa chữa bản thân để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình, trong khi đó anh T kiên quyết không thể sống chung được nữa với chị T. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T cũng trình bày vẫn còn tình cảm với anh T, tuy nhiên trong trường hợp anh T kiên quyết ly hôn thì chị T cũng đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Với những nhận định, phân tích, đánh giá như trên cho thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, cho phép anh T được ly hôn với chị T là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc thể hiện cháu là Đinh Thị Hồng Minh, sinh ngày 10/02/2011 và Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi thể hiện Đinh Quốc Bảo, sinh ngày 06/02/2014 có họ tên người mẹ Trần Thị T, họ tên người cha Đinh Hồng T. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định cháu Đinh Thị Hồng Minh và cháu Đinh Quốc Bảo là con chung của chị T, anh T

Xét yêu cầu nuôi con của anh T thì thấy rằng:

Về điều kiện chăm sóc con, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị T đã ra bên ngoài thuê nhà ở riêng, các con vẫn sinh sống với anh T và gia đình bên nội. Kể từ khi chị T chuyển ra sống riêng anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, chị T cũng thừa nhận và không có ý kiến gì về việc chăm sóc con của anh T. Mặt khác, cháu Đinh Thị Hồng Minh, cháu Đinh Quốc Bảo cũng có nguyện vọng ở với bố và không mong muốn được ở với mẹ là chị T.

Bản thân anh T có sức khỏe tốt, có công việc tương đối ổn định *(cán bộ xã Phước Lộc)*, có thu nhập tương đối, đồng thời trong cuộc sống hàng ngày anh T được sự giúp đỡ cả về vật chất, tinh thần từ gia đình nên đảm bảo đủ khả năng chăm sóc các con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T thì thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T trình bày trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị T và anh T thì chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Hồng Minh. Tuy nhiên qua xem xét thì thấy rằng hiện tại cháu Minh đang sống với anh T và gia đình bên nội từ nhỏ cho đến nay là rất ổn định, đồng thời nguyên vọng của cháu Minh là không mong muốn được ở với mẹ. Mặc khác, tại Tòa chị T cũng khẳng định công việc của chị T là làm nhân viên bán hàng, không có chỗ ở ổn định *(đang ở trọ)*. Để đảm bảo cho cháu Đinh Thị Hồng Minh và cháu Đinh Quốc Bảo có sự phát triển ổn định nhằm tránh thay đổi đột ngột có thể dẫn đến sự lo sợ và phát triển không bình thường cho các cháu nên cần giao các cháu Đinh Thị Hồng Minh và cháu Đinh Quốc Bảo cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cấp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về nợ chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.7] Về yêu cầu trợ cấp số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu*) của chị T về các khoản tiền thuê nhà, tiền công sức đóng góp khi về làm dâu cho nhà chồng, tiền chăm lo phụng dưỡng bố, mẹ chồng hơn 10 năm:

- Xét thấy yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh T trợ cấp tiền công sức đóng góp khi về làm dâu cho nhà chồng, tiền chăm lo phụng dưỡng bố, mẹ chồng hơn

10 năm là không phù hợp với quy định của pháp luật; trách nhiệm của con cái, kể cả con dâu trong việc chăm sóc bố mẹ, kể cả bố mẹ chồng là trách nhiệm phải thực hiện. Trong khi đó anh T cũng không đồng ý hỗ trợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đúng pháp luật.

- Riêng về yêu cầu anh T trợ cấp tiền thuê nhà (chị T khai là tiền thuê nhà hiện tại mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(một triệu)/*tháng), tại phiên tòa anh T đồng ý, tự nguyện hỗ trợ cho chị T số tiền thuê nhà là 20 tháng tương ứng với số tiền là 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu)*. Đây là sự tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[2.8] Về án phí: Anh T khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm thẩm theo quy định.

[2.9] Đánh giá, xét quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn T phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Hồng T đối với chị Trần Thị T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Hồng T được ly hôn với chị Trần Thị T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2010; ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con Đinh Thị Hồng Minh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Đinh Quốc Bảo, sinh ngày 06/02/2014 cho anh Đinh Hồng T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Chị Trần Thị T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Hồng T về việc hỗ trợ cho chị Trần Thị T số tiền là 20.000.000 đồng *(hai triệu đồng)*. Buộc anh Đinh Hồng T có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị T số tiền là 20.000.000 đồng *(hai triệu đồng)*.

3. Về án phí: Anh Đinh Hồng T phải chịu nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.000.000đ *(một triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000150 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên anh T còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu theo quy định.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đ (02);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- UBND xã Phước Lộc, huyện Đ (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Lập